

ĐỀ THI CHÍNH THỨC
(đề thi có 03 trang)

Mã đề thi 208

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

Câu 1: Một muối khi tan vào nước tạo thành dung dịch có môi trường kiềm, muối đó là

- A. Na_2CO_3 . B. MgCl_2 . C. NaCl . D. KHSO_4 .

Câu 2: Nước cứng là nước có chứa nhiều các ion

- A. Na^+ , K^+ . B. HCO_3^- , Cl^- . C. Ca^{2+} , Mg^{2+} . D. SO_4^{2-} , Cl^- .

Câu 3: Nguyên liệu chính dùng để sản xuất nhôm là

- A. quặng manhetit. B. quặng boxit. C. quặng đolômit. D. quặng pirit.

Câu 4: Dãy gồm các kim loại đều phản ứng với nước ở nhiệt độ thường, tạo ra dung dịch có môi trường kiềm là

- A. Na, Ba, K. B. Ba, Fe, K. C. Be, Na, Ca. D. Na, Fe, K.

Câu 5: Anilin ($\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$) và phenol ($\text{C}_6\text{H}_5\text{OH}$) đều có phản ứng với

- A. dung dịch NaCl . B. nước Br_2 . C. dung dịch NaOH . D. dung dịch HCl .

Câu 6: Cặp chất **không** xảy ra phản ứng là

- A. dung dịch NaNO_3 và dung dịch MgCl_2 . B. dung dịch NaOH và Al_2O_3 .
C. K_2O và H_2O . D. dung dịch AgNO_3 và dung dịch KCl .

Câu 7: Thủy phân este X trong môi trường kiềm, thu được natri axetat và rượu etylic. Công thức của X là

- A. $\text{C}_2\text{H}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$. B. $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOCH}_3$. C. $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$. D. $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$.

Câu 8: Cho 10 gam hỗn hợp gồm Fe và Cu tác dụng với dung dịch H_2SO_4 loãng (dư). Sau phản ứng thu được 2,24 lít khí hiđro (ở đktc), dung dịch X và m gam chất rắn không tan. Giá trị của m là (Cho $\text{H} = 1$, $\text{Fe} = 56$, $\text{Cu} = 64$)

- A. 3,4 gam. B. 4,4 gam. C. 5,6 gam. D. 6,4 gam.

Câu 9: Chất X có công thức phân tử $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}_2$, cho chất X tác dụng với dung dịch NaOH tạo ra muối và nước. Chất X thuộc loại

- A. rượu no đa chức. B. axit no đơn chức.
C. este no đơn chức. D. axit không no đơn chức.

Câu 10: Thuốc thử dùng để phân biệt giữa axit axetic và rượu etylic là

- A. quỳ tím. B. dung dịch NaCl . C. dung dịch NaNO_3 . D. kim loại Na.

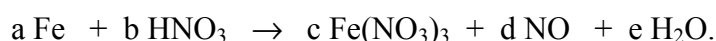
Câu 11: Polivinyl clorua (PVC) được điều chế từ vinyl clorua bằng phản ứng

- A. axit - bazơ. B. trao đổi. C. trùng hợp. D. trùng ngưng.

Câu 12: Đốt cháy hoàn toàn m gam rượu no đơn chức mạch hở, sau phản ứng thu được 13,2 gam CO_2 và 8,1 gam nước. Công thức của rượu no đơn chức là (Cho $\text{H} = 1$, $\text{C} = 12$, $\text{O} = 16$)

- A. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$. B. $\text{C}_3\text{H}_7\text{OH}$. C. $\text{C}_4\text{H}_9\text{OH}$. D. CH_3OH .

Câu 13: Cho phản ứng:

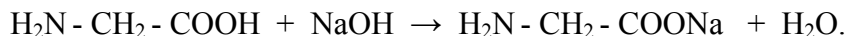
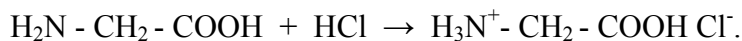


Các hệ số a, b, c, d, e là những số nguyên, đơn giản nhất. Tổng (a+b) bằng

- A. 4. B. 3. C. 6. D. 5.

- Câu 14:** Một chất tác dụng với dung dịch natri phenolat tạo thành phenol. Chất đó là
 A. C_2H_5OH . B. Na_2CO_3 . C. CO_2 . D. $NaCl$.
- Câu 15:** Dãy gồm các hợp chất **chỉ có** tính oxi hoá là
 A. $Fe(OH)_2$, FeO . B. FeO , Fe_2O_3 . C. $Fe(NO_3)_2$, $FeCl_3$. D. Fe_2O_3 , $Fe_2(SO_4)_3$.
- Câu 16:** Khi điều chế kim loại, các ion kim loại đóng vai trò là chất
 A. bị khử. B. bị oxi hoá. C. nhận proton. D. cho proton.
- Câu 17:** Cho dung dịch $Ca(OH)_2$ vào dung dịch $Ca(HCO_3)_2$ thấy có
 A. kết tủa trắng sau đó kết tủa tan dần. B. bọt khí và kết tủa trắng.
 C. kết tủa trắng xuất hiện. D. bọt khí bay ra.
- Câu 18:** Trung hoà 6,0 gam một axit cacboxylic no đơn chức, mạch hở cần dùng 100 ml dung dịch $NaOH$ 1M. Công thức cấu tạo của axit là (Cho $H = 1$, $C = 12$, $O = 16$)
 A. C_2H_5COOH . B. $CH_2 = CHCOOH$. C. CH_3COOH . D. $HCOOH$.
- Câu 19:** Dãy các hidroxit được xếp theo thứ tự tính bazơ **giảm** dần từ trái sang phải là
 A. $NaOH$, $Al(OH)_3$, $Mg(OH)_2$. B. $NaOH$, $Mg(OH)_2$, $Al(OH)_3$.
 C. $Mg(OH)_2$, $Al(OH)_3$, $NaOH$. D. $Mg(OH)_2$, $NaOH$, $Al(OH)_3$.
- Câu 20:** Hấp thụ hoàn toàn 4,48 lít khí SO_2 (ở đktc) vào dung dịch chứa 16 gam $NaOH$ thu được dung dịch X. Khối lượng muối tan thu được trong dung dịch X là
 (Cho $H = 1$, $O = 16$, $Na = 23$, $S = 32$)
 A. 18,9 gam. B. 23,0 gam. C. 20,8 gam. D. 25,2 gam.
- Câu 21:** Hoà tan 5,4 gam Al bằng một lượng dung dịch H_2SO_4 loãng (dư). Sau phản ứng thu được dung dịch X và V lít khí hiđro (ở đktc). Giá trị của V là (Cho $H = 1$, $Al = 27$)
 A. 4,48 lít. B. 3,36 lít. C. 2,24 lít. D. 6,72 lít.
- Câu 22:** Chất **không** phản ứng với $NaOH$ là
 A. rượu etylic. B. axit clohidric. C. phenol. D. axit axetic.
- Câu 23:** Một chất khi thủy phân trong môi trường axit, đun nóng **không** tạo ra glucozơ. Chất đó là
 A. tinh bột. B. saccarozơ. C. xenlulozơ. D. protit.
- Câu 24:** Công thức cấu tạo của glixerin là
 A. $HOCH_2CHOHCH_2OH$. B. $HOCH_2CH_2OH$.
 C. $HOCH_2CHOHCH_3$. D. $HOCH_2CH_2CH_2OH$.
- Câu 25:** Để bảo quản natri, người ta phải ngâm natri trong
 A. phenol lỏng. B. dầu hỏa. C. nước. D. rượu etylic.
- Câu 26:** Thủy phân 324 gam tinh bột với hiệu suất của phản ứng là 75%, khối lượng glucozơ thu được là (Cho $H = 1$, $C = 12$, $O = 16$)
 A. 360 gam. B. 270 gam. C. 250 gam. D. 300 gam.
- Câu 27:** Cho 4,5 gam etylamin ($C_2H_5NH_2$) tác dụng vừa đủ với axit HCl . Khối lượng muối thu được là (Cho $H = 1$, $C = 12$, $Cl = 35,5$)
 A. 7,65 gam. B. 0,85 gam. C. 8,10 gam. D. 8,15 gam.
- Câu 28:** Số đồng phân este ứng với công thức phân tử $C_3H_6O_2$ là
 A. 5. B. 4. C. 3. D. 2.
- Câu 29:** Để bảo vệ vỏ tàu biển làm bằng thép người ta thường gắn vào vỏ tàu (phần ngâm dưới nước) những tấm kim loại
 A. Sn . B. Zn . C. Cu . D. Pb .
- Câu 30:** Cation M^+ có cấu hình electron lớp ngoài cùng $2s^2 2p^6$ là
 A. Na^+ . B. Li^+ . C. Rb^+ . D. K^+ .
- Câu 31:** Dãy gồm các kim loại được xếp theo thứ tự tính khử tăng dần từ trái sang phải là
 A. Fe , Mg , Al . B. Al , Mg , Fe . C. Fe , Al , Mg . D. Mg , Fe , Al .

Câu 32: Cho các phản ứng:



Hai phản ứng trên chứng tỏ axit aminoaxetic

- A.** chỉ có tính bazơ. **B.** chỉ có tính axit.
C. có tính oxi hóa và tính khử. **D.** có tính chất lưỡng tính.

Câu 33: Axit no, đơn chức, mạch hở có công thức chung là

- A.** $C_nH_{2n-1}COOH$ ($n \geq 2$). **B.** $C_nH_{2n+1}COOH$ ($n \geq 0$).
C. $C_nH_{2n}(COOH)_2$ ($n \geq 0$). **D.** $C_nH_{2n-3}COOH$ ($n \geq 2$).

Câu 34: Tơ được sản xuất từ xenlulozơ là

- A.** tơ tằm. **B.** tơ capron. **C.** tơ nilon-6,6. **D.** tơ visco.

Câu 35: Chất **không** có tính chất lưỡng tính là

- A.** $\text{Al}(\text{OH})_3$. **B.** NaHCO_3 . **C.** Al_2O_3 . **D.** AlCl_3 .

Câu 36: Cho 0,69 gam một kim loại kiềm tác dụng với nước (dư). Sau phản ứng thu được 0,336 lít khí hiđro (ở đktc). Kim loại kiềm là (Cho Li = 7, Na = 23, K = 39, Rb = 85)

- A.** Na. **B.** K. **C.** Rb. **D.** Li.

Câu 37: Công thức chung của oxit kim loại thuộc phân nhóm chính nhóm II là

- A.** R_2O_3 . **B.** R_2O . **C.** RO . **D.** RO_2 .

Câu 38: Số electron lớp ngoài cùng của nguyên tử kim loại kiềm là

- A.** 2. **B.** 3. **C.** 1. **D.** 4.

Câu 39: Chất phản ứng với Ag_2O trong dung dịch NH_3 , đun nóng tạo ra Ag là

- A.** ruq̃u etylic. **B.** axit axetic. **C.** anđehit axetic. **D.** glixerin.

Câu 40: Saccarozơ và glucozơ đều có

- A.** phản ứng với dung dịch NaCl.
B. phản ứng với $\text{Cu}(\text{OH})_2$ ở nhiệt độ thường tạo thành dung dịch xanh lam.
C. phản ứng với Ag_2O trong dung dịch NH_3 , đun nóng.
D. phản ứng thủy phân trong môi trường axit.

----- HẾT -----